

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST

Ngày 09 - 02 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và ông Lê Thúc Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Bình Phương - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Quang Đ, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1986 tại xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn Y, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Trần Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Quỳnh N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2017 đến ngày 08/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại ở địa phương đến nay, “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ x, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

2. Anh Trần Văn D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ x, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Khổng Anh T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 19/12/2017, Lê Quang Đ đang ngồi bán sim thẻ điện thoại tại vỉa hè phía trước cửa nhà chuyên dùng của trường Đại học S thuộc thôn Y1, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc thì có Nguyễn Hữu T và Trần Văn D đến gặp Đ và hỏi về việc ghi số lô, số đề thì Đ đồng ý nên Đ thống nhất với T và D cách thức đánh lô, đề như sau: Một điểm lô Đ bán ra với giá 22.000đồng, kết quả trúng lô sẽ lấy kết quả xổ số miền Bắc hàng ngày để tính, nếu trúng một điểm lô sẽ được 80.000đồng; Đối với số đề sẽ tính theo 2 số cuối của giải đặc biệt tại kết quả xổ số miền Bắc ngày hôm đó, nếu trúng thì đánh 1.000đồng sẽ được hưởng 80.000đồng. Thống nhất xong cách đánh T liền bảo Đ bán cho 02 số lô 46 và 64 mỗi số 60 điểm; 01 số đề 39 = 60.000đồng; 01 số đề 13 = 100.000đồng. Đ viết các số lô, số đề T vừa đánh xong vào 01 tờ giấy A4 và nhận tổng số tiền từ việc bán lô, đề của T là 2.800.000đồng cất vào trong ngăn kéo bàn. Ngay sau đó, D cũng hỏi và bảo Đ bán cho 02 số lô 79 và 97 mỗi số = 60 điểm; 03 số đề 32, 45, 66 mỗi số = 20.000đồng. Đ viết chung các số lô, đề của D vào tờ giấy A4 vừa ghi cho T trước đó và nhận tổng số tiền từ việc đánh lô, đề của D là 2.700.000đồng, thì bị Công an thị xã Phúc Yên bắt quả tang.

Ngoài hành vi bị bắt quả tang trên, quá trình điều tra vụ án Đ khai nhận, cùng ngày 19/12/2017, trước thời điểm bị bắt quả tang, Đ còn có hành vi bán số lô, đề cho một số đối tượng không rõ địa chỉ với tổng số tiền là: 2.913.000đồng. Cụ thể như sau: Bán cho người đàn ông tên là H 04 số đề gồm các số 05, 71, 23, 14 mỗi số 5.000đồng; bán cho người đàn ông tên V 01 số đề 91 = 50.000đồng, 01 số đề 19 = 10.000đồng, 01 số đề 691 = 20.000đồng, 10 điểm số lô 38; bán cho S 02 số đề gồm 77, 88 mỗi số 10.000đồng; bán cho L 03 số đề gồm các số 67, 56, 34 mỗi số 10.000đồng, 01 số lô xiên (67; 56) = 5.000đồng, 02 số lô 67; 56 mỗi số = 5 điểm; bán cho K 04 số đề gồm các số 26, 62, 07, 70 mỗi số 40.000đồng, số lô 62 = 5 điểm, số lô 70 = 15 điểm; bán cho người tên M 01 số lô xiên (70, 07, 46) = 2.000đồng, 03 số lô gồm các số 07, 70, 46 mỗi số = 5 điểm; bán cho N 02 số lô 04 và 40 mỗi số = 25 điểm; bán cho B số lô 52 = 2 điểm, số lô 25 = 1 điểm; bán cho một người đàn ông không biết tên số lô 35 = 10 điểm.

Tổng số tiền Lê Quang Đ khai nhận đã thu từ việc ghi lô, đề cho các đối tượng vào ngày 19/12/2017 là 8.413.000 đồng.

Vật chứng thu giữ được gồm: Thu giữ trên mặt bàn ghi số lô, đề của Đ: 2.700.000đồng (Đ khai nhận đây là số tiền D vừa trả để đánh số lô, đề); thu giữ trong ngăn bàn của Đ số tiền: 5.840.000đồng (Đ khai nhận trong đó có 2.800.000đồng là tiền thu từ việc đánh lô, đề với T; 2.913.000đồng là tiền đánh Lô, đề với 09 đối tượng khác ngày 19/12/2017 không rõ địa chỉ; còn lại số tiền 127.000đồng là tiền bán sim, thẻ điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 tờ giấy A4 có ghi số lô, đề đã đánh với D, T và 09 đối tượng không rõ địa chỉ; 02 tờ giấy ghi kết quả số lô, đề ngày 18/12/2017; 01 bút bi màu xanh sử dụng vào việc ghi số lô, số đề.

Ngoài ra, cơ quan điều tra thu của Đ 03 điện thoại gồm: 01 điện thoại di động Samsung màu đen; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng; 01 điện thoại Nokia màu đen - hồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố bị cáo Lê Quang Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đối với bị cáo Lê Quang Đ; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lê Quang Đ từ 08 (Tám) đến 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách gấp đôi.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lê Quang Đ từ 03 triệu đến 05 triệu đồng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu, tiêu hủy các phương tiện dùng vào việc phạm tội; tịch thu, sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền mà bị cáo có được từ việc phạm tội. Đối với các vật chứng còn lại Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo do không được sử dụng vào việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hữu T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày: Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 19/12/2017, anh cùng với Trần Văn D đi đến quán của Đ và hỏi ghi lô, đề thì Đ đồng ý nên anh đã đưa cho Đ số tiền 2.800.000đồng để đánh lô, đề. Cụ thể các số anh Bảo Đ ghi cho gồm: 02 số lô 46 và 64 mỗi số 60 điểm = 1.320.000đồng/01 số; 01 số đề 39 = 60.000đồng; 01 số đề 13 = 100.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Trần Văn D tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày: Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 19/12/2017, anh cùng với Nguyễn Hữu T đi đến quán của Đ và hỏi ghi lô, đề thì Đ đồng ý nên sau khi T bảo Đ ghi cho T các số lô, số đề thì anh cũng bảo Đ ghi cho anh 02 số lô 79 và 97 mỗi số = 60 điểm = 1.320.000đồng/01 số; 03 số đề 32, 45, 66 mỗi số = 20.000đồng. Khi anh vừa đưa cho Đ số tiền 2.700.000đồng thì bị Cơ quan điều tra Công an thị xã Phúc Yên phát hiện, bắt quả tang.

Người làm chứng anh Không Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình điều tra tại cơ quan điều tra anh T1 trình bày: Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 19/12/2017, khi anh ra quán của Đ định mua thẻ điện thoại thì thấy ở đây có hai thanh niên (sau này anh được biết tên T và D) đang báo mua số đề, số lô và Đ ghi vào tờ giấy A4. Khi D đề số tiền mua số lô, số Đề lên bàn trước mặt Đ thì bị cơ quan điều tra đến bắt giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Phúc Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Quang Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên, bị cáo khai nhận: Khoảng 16 giờ 25 phút ngày 19/12/2017, tại vỉa hè phía trước cửa nhà chuyên dùng của trường Đại học S thuộc địa phận thôn Y1, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, bị cáo đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề cho Nguyễn Hữu T, Trần Văn D với tổng số tiền là 5.500.000đồng thì bị Cơ quan Công an thị xã Phúc Yên bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Ngoài ra, cùng ngày 19/12/2017, trước thời điểm bị cáo bị bắt quả tang thì bị cáo đã có hành vi ghi số lô, số đề cho 09 người không rõ danh tính, địa chỉ và thu của các đối tượng 2.913.000đồng. Tổng số tiền bị cáo tham gia đánh bạc dưới hình thức ghi số lô, số đề là 8.413.000đồng.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức ghi “lô, đề” của bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

[4] Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, song hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, đồng thời còn là một trong những nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý bằng pháp luật nhằm mục đích răn đe, giáo dục riêng, phòng ngừa chung và phục vụ tốt việc giữ vững an ninh chính trị tại địa phương.

[5] Xét nhân thân bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo; thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; ông nội của bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì và Huân chương chiến sỹ vẻ

vang hạng Nhì, hạng Ba. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, đáng được khoan hồng và có đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, không cần thiết bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục với mức án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục chung cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định bị cáo có tài sản và thu nhập nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền để sung quỹ Nhà nước theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[7] Về vật chứng của vụ án: Cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc gồm 8.143.000 đồng của Lê Quang Đ; tịch thu tiêu hủy 01 bút bi màu xanh của Đ.

Đối với số tiền 127.000 đồng và 03 điện thoại di động của Đ không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho Đ.

[8] Đối với hành vi đánh lô, đánh đề của Nguyễn Hữu T và Trần Văn D là vi phạm pháp luật nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 08/01/2018 đối với D và số 25/QĐ-XPHC ngày 08/01/2018 đối với T với hình thức phạt cảnh cáo, là có căn cứ.

Đối với 09 đối tượng Đ khai đã bán số lô, đề ngày 19/12/2017 nhưng không rõ địa chỉ cụ thể ở đâu nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ. Khi nào làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Quang Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lê Quang Đ 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Lê Quang Đ cho Ủy ban nhân dân phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999: Phạt bị cáo Lê Quang Đ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc bút bi sử dụng làm phương tiện phạm tội; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 8.413.000đồng (Tám triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng) sử dụng vào việc phạm tội; trả lại cho Lê Quang Đ số tiền 127.000đồng, 01 điện thoại di động Samsung màu đen; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng; 01 điện thoại Nokia màu đen - hồng nhưng tiếp tục tạm giữ tiền và điện thoại của Đ để đảm bảo việc thi hành án.

Tất cả vật chứng và số tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên lập ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Lê Quang Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thị xã Phúc Yên;
- Công an thị xã Phúc Yên (02 bản);
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà